TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 10 - 2023
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Anh và ông Điểu Prinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà*:* Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/7/2023 về việc "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST ngày 01/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1962; địa chỉ: Bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Cháu Đỗ Thị Thảo N, sinh ngày 10/6/2012; địa chỉ: Bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu N:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – là mẹ cháu N – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1962; địa chỉ: Bon Đ, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông – là cha của cháu N – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Mạnh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 tại Bon Đăk Huýt, xã Qu, huyện T, tỉnh Đăk Nông, không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau. Hai người không còn

yêu thương, tôn trọng và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, chị L không còn tình cảm với anh H, nhận thấy mâu thuẫn hai bên ngày càng trầm trọng nên chị L làm đơn yêu cầu Tòa án huyện T, tỉnh Đăk Nông không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh, chị có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Thảo N, sinh ngày 10/06/2012 nguyện vọng của chị L là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đỗ Mạnh H: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H đến trụ sở Toà án để giải quyết vụ án ly hôn với chị L nhưng anh H vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Qu xác định: "*Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Đ, xã Qu, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh có mặt tại địa phương*". Tòa án đã cùng chính quyền địa phương đến nhà anh H, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H theo quy định. Tuy nhiên, anh H không có ý kiến và không đến Tòa án làm việc theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh H.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Thảo N, sinh ngày 10/6/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001320 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Đỗ Mạnh H, anh H có đăng ký thường trú tại Bon Đ, xã Qu, huyện T. Do đó, đây là tranh chấp "*Ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị L với anh H; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Từ năm 2008 đến nay, chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Mạnh H chung sống với nhau như vợ chồng; anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên đã không đăng ký. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...*".

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...".*

Trong quá trình chung sống như vợ chồng, anh H và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc; chị L và anh H không còn thương yêu và quan tâm lo lắng cho nhau. Đối với anh H, khi chị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, anh H cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, anh H vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị L với anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Đỗ Thị Thảo N, sinh ngày 10/6/2012; tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ,chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."*. Do anh H vắng mặt nên không thỏa thuận được với chị L về người trực tiếp nuôi con chung; chị L hiện có công việc và thu nhập ổn định. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, anh H có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002687 ngày 05/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[4] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Mạnh H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002687 ngày 05/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

Phan Quang Trung